Giai Thoat Dao - 10

Giải Thoát Đạo — Con Đường Giải Thoát

Giai Thoat Dao - 10

Vietnamese, with Unicode Times font

GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN

VIMUTTI MAGGA

Thiện Nhựt chuyển dịch sang tiếng Việt

Quyển Mười

Phẩm 10: Phân biệt về Huệ

Hỏi: Thế nào là Huệ? Thế nào là tướng, vị, khởi, xứ, công đức v à nghiã của Huệ? Có bao nhiêu công đức mới đắc được Bát-nh ã? Có mấy loại Bát-nhã?

Đáp: Tâm ý nhìn sự vật đúng như hiện thấy, đó gọi l à Huệ, là Bát-nhã . Lại nữa, như trong A-tỳ- đ àm (Abhidhamma, Luận tạng) có nói, khởi ý phân biệt sự ích lợi với sự chẳng ích lợi, khởi lên ý trang nghiêm, đó gọi l à Bát-nhã. (Bát-nhã, phiên âm chữ Phạn Prajna, chữ Pàli Panna, dịch nghiã là Trí huệ .)

Thế nào là Bát-nhã? Bát-nhã là trí huệ, lựa chọn pháp diệu tướng để quán sát; sự quán sát đó thông minh, suy nghĩ phân biệt thật r õ ràng, thấy được sự chuyển ngộ lớn dắt đến chánh trí (= trí hiểu biết chơn chánh v à đúng đắn). Bát-nh ã có sức mạnh (= huệ lực) như gậy gộc (= huệ trượng) như câu liêm (= huệ câu), phá tan được ngu si. Bát-nh ã lại có nguồn gốc (= huệ c ăn), rực rỡ như ánh sáng, như ngọn đ èn (= huệ quang, huệ minh, huệ đăng), lộng lẫy như cung điện (= huệ điện), qúi báu như bảo vật (= huệ bảo), để trạch pháp (= chọn pháp) theo đúng chánh kiến (ý kiến chơn chánh và đúng đắn).

Đạt đến Sự thật (= Chơn như) l à tướng của Bát-nhã. Chọn lựa đúng l à vị của Bát-nhã, tức là chức n ăng của Trí huệ. Chẳng hề ngu si, m ê mờ là khởi của Bát-nhã, tức là sự phát khởi, sự bộc lộ, ra của Trí huệ. Bốn Chơn lý Nhiệm mầu (= Tứ Diệu đế) là xứ của Bát-nhã, tức là phạm vi hoạt động của Trí huệ. Lại nữa, tướng của Bát-nhã là hiểu thật rõ ràng, sáng tỏ. Vị hay chức n ăng của Bát-nh ã là nhập vào Chánh pháp. Sự phát khởi của Bát-nhã, hay sự hiển lộ của Trí huệ là phá trừ được sự vô minh u ám. Xứ hay phạm vi hoạt động của Bát-nh ã là bốn ngành của khoa biện luận.

Kể công đức của Bát-nh ã, của Trí huệ, thì vô lượng công đức. Xin nghe b ài kệ sau đây tóm lược lại các công đức:

Do Huệ, giới thanh tịnh,

Nhờ hai Huệ nhập Thiền.

Do Huệ tu theo Đạo,

Do Huệ thấy được Quả.

Bát-nh ã là thắng thiện,

Huệ c ăn cao tuyệt đỉnh.

Mất Huệ th ành ô uế,

Thêm Huệ thành cao thượng.

Huệ phá luận ngoại đạo,

Cắt r àng buộc thế pháp.

Người có Huệ, diệu khéo,

Lời lành khéo hiển bày.

Trong đời nầy, đời khác,

Nghe giải thoát khổ, vui,

Mọi nghi ã cùng tinh tấn

Dõng mãnh, người có Huệ

Ắt thấy mọi pháp đó,

Lý Nhân duy ên, Danh-Sắc,

Lời dạy trong Giáo pháp.

Ngôn ngữ trong Tứ Đế

L à cảnh giới Trí Huệ.

Nhờ Huệ trừ mọi ác

Tham ái, sân, vô minh.

Dùng Trí dứt sanh tử,

Trừ được việc khó trừ.

Hỏi: Nghiã của Huệ là gì?

Đáp: Nghiã của Trí huệ là khả n ăng đoạn trừ dứt sạch.

Có bao nhiêu công đức mới đắc được Huệ? Có tất cả mười một công đức: tầm cầu nghi ã của khế kinh (= tu- đa-la), làm nhiều việc lành, cư trú nơi thanh tịnh, đ ình chỉ các loạn tưởng, quán tưởng về Bốn Chơn lý Nhiệm mầu (Tứ Diệu đế), hiểu rành các học thuật, tâm an trú, thường tại Thiền, dứt trừ các triền cái, xa lià người vô trí, thân cận người có trí huệ.

C mấy loại Trí Huệ? Có hai loại, có ba loại và có bốn loại.

Hỏi: Thế nào là hai loại Trí Huệ?

Đáp: Đó l à Trí Huệ ở thế gian, và Trí Huệ xuất thế gian. Huệ tương ứng với các đạo quả của bực Thánh l à Huệ xuất thế. Chỗ còn lại tức là Huệ thế gian.

Huệ thế gian còn nhiều lậu hoặc (= sai lầm, thiếu sót), còn nhiều ràng buộc (= kết sử, các dục vọng, các tình cảm có tánh cách ràng buộc), còn nhiều trói chặt; Huệ đó l à ngập lụt, là ách đ è cổ, là nắp che đậy, l à xúc chạm mạnh, là phát khởi, là phiền não.

Huệ xuất thế thì chẳng còn lậu hoặc, chẳng bị kết sử, chẳng bị trói buộc, chẳng bị ngập lụt, chẳng bị ách đ è cổ, chẳng bị nắp che đậy, chẳng bị xúc chạm mạnh, chẳng phát khởi, chẳng phiền n ão.

Về ba loại Trí Huệ , đó l à Tư huệ, V ăn huệ, Tu huệ. Chẳng nghe theo người khác, nếu do nghiệp của mình mà trí khởi lên phù hợp với chơn lý, với công dụng, đó gọi l à tư huệ. Do nghe theo người khác mà được huệ, đó gọi l à v ăn huệ. Nếu tu nhập vào Tam-muội (= chánh định), đắc huệ, đó l à tu huệ.

Lại nữa, thuộc về ba loại Huệ, có huệ đến, huệ đi, và huệ phương tiện. Khi khởi ý lên hành động l àm cho các việc chẳng lành phải lùi lại và các việc lành t ăng th êm lên, đó l à huệ đến, huệ đến l àm lợi cho nghiệp lành của mình. Trái lại, nếu khởi ý lên hành động l àm cho việc ác t ăng l ên mà việc thiện bị lui mất, đó l à huệ đi, huệ đi mất, khiến cho nghiệp l ành chẳng khởi. Còn huệ phương tiện là huệ biết dùng mọi phương tiện tốt để h ành thiện.(= làm lành)

Lại nữa, thuộc về ba loại Huệ , có huệ tụ, huệ chẳng tụ, và huệ vừa tụ vừa chẳng tụ. (Tụ, ở đây có nghi ã là chất chứa, tích lũy lại) Huệ ở ba địa hạt của nghiệp thiện, đó l à huệ tụ. Huệ ở bốn đạo (từ Tu-đ à-huờn đạo đến A-la-hán đạo), đó l à huệ chẳng tụ. Huệ ở bốn đạo v à bốn quả (hàng Thanh v ăn) v à huệ ở ba địa hạt của nghiệp thiện, đó gọi l à huệ vừa tụ vừa chẳng tụ.

Về bốn loại Huệ , có trí khởi tuỳ nghiệp, trí hợp với chơn lý, trí liên hệ đạo, trí li ên hệ quả. Huệ khởi lên nơi mười lãnh vực của Chánh kiến, đó l à trí khởi tùy nghiệp. Nếu thấy sự tập họp của các ấm (= uẩn), hoặc lẽ vô thường, khổ, vô ngã, khởi lên sự kham nhẫn, đó l à trí hợp với chơn lý. Huệ khởi lên nơi bốn đạo (của h àng Thanh v ăn), đó l à trí liên hệ đạo. Huệ khởi lên nơi bốn quả vị (hàng Thanh v ăn), đó l à trí liên hệ quả.

Lại nữa, thuộc về bốn loại Huệ, có huệ dục giới, huệ sắc giới, huệ vô sắc giới, và huệ chẳng liên hệ. Huệ khởi lên về các việc thiện được xác định ở c õi dục giới, đó l à huệ dục giới. Huệ khởi lên về các việc thiện được xác định ở c õi sắc giới, đó l à huệ sắc giới. Huệ khởi lên về các việc thiện được xác định ở c õi vô sắc giới, đó l à huệ vô sắc giới. Huệ khởi lên nơi các đạo v à các quả, đó l à huệ chẳng liên hệ.

Lại nữa, thuộc về bốn loại huệ, có pháp trí, tỉ trí, tha tâm trí và đẳng trí. Huệ khởi lên nơi bốn đạo v à nơi bốn quả, đó l à pháp trí. Người toạ thiền tu pháp trí đó m à thành tựu được trí hiểu biết về quá khứ gần và xa, hiện tại và vị lai gần và xa, đó l à tỉ trí (tỉ = so sánh). Biết được tâm ý của kẻ khác, đó l à tha tâm trí. Ngoại trừ ba trí vừa kể, chỗ còn lại được gọi l à đẳng trí (đẳng = đồng đều).

Lại nữa, thuộc về bốn loại huệ, có: (1) huệ do tụ mà chẳng do chẳng tụ, (2) huệ do chẳng tụ và chẳng do tụ, (3) huệ vừa do tụ vừa do chẳng tụ, (4) huệ chẳng do tụ và chẳng do chẳng tụ. Thiện huệ nơi dục giới thuộc loại thứ nhứt: huệ do tụ mà chẳng do

chẳng tụ. Thiện huệ nơi bốn đạo (h àng Thanh v ăn) thuộc loại thứ hai: huệ do chẳng tụ và chẳng do tụ. Thiện huệ nơi sắc giới và vô sắc giới thuộc loại thứ ba: huệ vừa do tụ vừa do chẳng tụ. Thiện huệ nơi bốn quả (hàng Thanh v ăn) v à nơi ba địa hạt của nghiệp thiện được xác định, thuộc loại thứ tư: huệ chẳng do tụ và chẳng do chẳng tụ.

Lại nữa, thuộc về bốn loại huệ, có: (1) huệ do nhàm chán mà chẳng do thông đạt, (2) huệ do thông đạt m à chẳng do nhàm chán, (3) huệ do nhàm chán và do thông đạt, (4) huệ chẳng do nhàm chán cũng chẳng do thông đạt. Như thế, huệ do nhàm chán ham muốn nhưng chưa thông đạt được thần thông v à Bốn Chơn lý Nhiệm mầu là huệ thuộc loại (1): huệ do nhàm chán mà chẳng do thông đạt. Hiện đ ã nhàm chán ham muốn và đắc được thần thông, nhưng c òn chưa thông đạt được Bốn Chơn lý Nhiệm mầu, đó l à huệ thuộc loại (2), là Bát-nhã . Huệ do sự thông đạt m à chẳng do nhàm chán nơi bốn đạo (h àng Thanh v ăn) th ì thuộc loại (3): huệ do nhàm chán và do thông đạt. Các huệ còn lại, chẳng do nhàm chán, chẳng do thông đạt , thuộc loại thứ tư.

Lại nữa, thuộc về bốn loại Huệ, có: (1) nghiã biện, (2) pháp biện, (3) từ biện, (4) lạc thuyết biện. Trí hiểu biết rõ ràng về nghiã, là nghiã biện (= phân biện về nghiã). Trí thông hiểu rõ ràng về Chánh pháp, là pháp biện. Trí hiểu biết từ ngữ, ngữ nguyên, là từ biện. Trí hiểu biết về chính sự hiểu biết, là lạc thuyết biện. Trí thông hiểu về nhân quả, là nghiã biện. Trí thông hiểu về nhân duyên, là pháp biện. Trí phân biện Chánh pháp (pháp biện) vừa là từ biện vừa là lạc thuyết biện.

Lại nữa, trí thông đạt Khổ đế (= Chơn lý về Khổ) v à Diệt đế (= Chơn lý về sự tận diệt Khổ), c òn được gọi l à nghiã biện. Trí thông đạt Tập đế (= Chơn lý về nguy ên nhân của Khổ) và Đạo đế (= Chơn lý về con đưởng dứt Khổ), c òn gọi là pháp biện. Trí nói pháp rành rẽ, rõ cả nghiã và lời, còn gọi là từ biện. Trí hiểu rõ các sự hiểu biết còn gọi là lạc thuyết biện.

Lại nữa, thông hiểu Chánh pháp là hiểu rõ mười hai loại bộ kinh:

1) khế kinh hay trường hàng (= Tu- đa-la, Sutra),

2) trùng tụng (= Kỳ-dạ, Geya),

3) thọ ký (= Hoà-ca-la-na, Vyakarana),

4) phúng tụng (= Già- đ à, Gathà),

5) tự thuyết (= Ưu- đ à-na, Udana),

6) nhơn duyên (= Ni- đ à-na, Nidàna),

7) thí dụ (= A-ba- đ à-na, Avadàna),

8) bổn sự (= Y- đế-mục-đ à-già, Itivrtaka),

9) bổn sanh (= Xà- đ à-già, Jàtaka),

10) phương quảng (= Tỳ-phật-lược, Valpulya)

11) vị tằng hữu (= A-phù- đ à- đạt-ma, Abhutahdharma)

12) luận nghị (= Ưu-ba- đề-xá, Upadesa).

Đó gọi l à pháp biện. Hiểu rõ nghiã các loại bộ kinh đó, thuyết giảng cho đầy đủ ý nghi ã, đó gọi l à nghiã biện. (...)

Lại nữa, thuộc về bốn loại huệ, có: (1) Khổ trí, (2) Khổ tập trí, (3) Khổ diệt trí, (4) Đạo trí. Sự thông hiểu về Khổ là Khổ trí. Sự thông hiểu về nguyên nhân của Khổ là Khổ tập trí. Sự thông hiểu về sự tận diệt Khổ là Khổ diệt trí. Sự thông hiểu các việc tu hành tương ứng với các trí đó, l à trí đầy đủ (cụ túc trí), tức là Đạo trí.

Phẩm 10: Phân biệt Huệ chấm dứt.

-ooOoo-

Đầu trang | Mục lục

Phần Chánh văn: 01 |
02 |
03 |
04 |
05 |
06 |
07 |
08.1 |
08.2 |
08.3 |
08.4 | 08.5 |
09 | 10 |
11 |
12
Phần tìm hiểu: 01 |
02 |
03 |
04 |
05 |
06 |
07 |
08.1 |
08.2 |
08.3 |
08.4 | 08.5 |
09 |
10 |
11 |

12 | Tổng kết

Chân thành cám ơn Cư sĩ Thiện Nhựt đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 01-2004)

[Trở về trang Thư Mục]

last updated: 16-01-2004

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.